

**Biểu số 01**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 HUYỆN SA THẦY**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy)*

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch tỉnh giao năm 2022			Kế hoạch huyện giao năm 2022 điều chỉnh - lần 1 tại NQ số 20/NQ-HĐND ngày 12/5/2022					Kế hoạch huyện giao năm 2022 điều chỉnh - lần 2					Tăng, giảm so với NQ số 20/NQ- HĐND ngày 12/5/2022	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này			Chưa phân bổ chi tiết (*)	Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này			Chưa phân bổ chi tiết (*)		
			Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
							Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp			
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1=2+3</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4=5+8</b>	<b>5=6+7</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9=10+13</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>14=9-4</b>	<b>15</b>
	<b>Tổng số</b>	<b>25,819</b>	<b>25,819</b>	<b>-</b>	<b>114,004</b>	<b>102,881</b>	<b>102,881</b>	<b>-</b>	<b>11,123</b>	<b>37,945.0</b>	<b>37,945.0</b>	<b>37,945.0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-76,059.0</b>	
<b>I.</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư trong cân đối NSDP</b>	<b>25,819</b>	<b>25,819</b>	<b>-</b>	<b>104,191</b>	<b>98,491</b>	<b>98,491</b>	<b>-</b>	<b>5,700</b>	<b>26,632.0</b>	<b>26,632.0</b>	<b>26,632.0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-77,559.0</b>	
1	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	12,662	12,662	-	12,662	12,662	12,662			12,662.0	12,662.0	12,662.0			0.0	
-	<i>Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND</i>	7,832	7,832		7,832	7,832	7,832			7,832.0	7,832.0	7,832.0			0.0	
-	<i>Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)</i>	2,330	2,330		2,330	2,330	2,330			2,330.0	2,330.0	2,330.0			0.0	
-	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách	2,500	2,500		2,500	2,500	2,500			2,500.0	2,500.0	2,500.0			0.0	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	12,387	12,387		90,759	85,059	85,059		5,700	13,200.0	13,200.0	13,200.0			-77,559.0	
3	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)	770	770		770	770	770			770.0	770.0	770.0			0.0	
<b>II.</b>	<b>Nguồn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh năm 2021</b>	<b>1,500</b>	<b>1,500</b>							<b>1,500.0</b>	<b>1,500.0</b>	<b>1,500.0</b>			<b>1,500.0</b>	
<b>III.</b>	<b>Các nguồn thu được để lại đầu tư (Dự kiến nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư năm 2021)</b>				<b>9,813</b>	<b>4,390</b>	<b>4,390</b>		<b>5,423</b>	<b>9,813.0</b>	<b>9,813.0</b>	<b>9,813.0</b>			<b>0.0</b>	

Biểu số 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy)

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2021		Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 1 tại NQ số 20/NQ-HĐND ngày 12/5/2022		Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 2		Tăng, giảm so với NQ số 20/NQ-HĐND ngày 12/5/2022	Ghi chú	
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trđó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
										Tổng số	Trong đó:									
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước									Thanh toán nợ XDCB
<b>1</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>709,560</b>	<b>432,760</b>	<b>302,047</b>	<b>302,047</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>29,153</b>	<b>29,153</b>	<b>104,191</b>	<b>104,191</b>	<b>26,632</b>	<b>26,632</b>	<b>-</b>	<b>77,559</b>
<b>1</b>	<b>NGUỒN CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTĐ</b>						<b>44,800</b>	<b>44,800</b>	<b>8,205</b>	<b>8,205</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>553.4</b>	<b>553.4</b>	<b>12,662</b>	<b>12,662</b>	<b>12,662</b>	<b>12,662</b>	<b>-</b>	
<b>1.1</b>	<b>Nguồn cân đối NSDP theo chỉ thị tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh</b>						<b>33,800</b>	<b>33,800</b>	<b>5,573</b>	<b>5,573</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>553.4</b>	<b>553.4</b>	<b>7,832</b>	<b>7,832</b>	<b>7,832</b>	<b>7,832</b>	<b>-</b>	
<b>(1)</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</b>						<b>26,000</b>	<b>26,000</b>	<b>4,533</b>	<b>4,533</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>553.4</b>	<b>553.4</b>	<b>3,792</b>	<b>3,792</b>	<b>3,792</b>	<b>3,792</b>	<b>-</b>	
1	Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng (hạng mục nhà học 8 phòng và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	2631/QĐ-UBND 29/12/2020	9,800	9,800	1,888	1,888					1,700	1,700	1,700	1,700	-	Chưa bao gồm 4.953 triệu nguồn tăng thu, kết dư; 1.800 triệu đồng từ nguồn thu sử dụng đất; chưa bao gồm 812,5 triệu nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2021
2	Trường Tiểu học -THCS Lê Quý Đôn (Nhà ăn, bếp và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	2628/QĐ-UBND 29/12/2020	3,500	3,500	955	955			553.4	553.4	402	402	402	402	-	Chưa bao gồm 2.000 triệu nguồn tăng thu; 500 triệu đồng nguồn thu sử dụng đất
3	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Cù Chính Lan đến Hạt Kiểm Lâm)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	02/QĐ-UBND 04/01/2021	12,700	12,700	1,690	1,690					1,690	1,690	1,690	1,690	-	Chưa bao gồm 11.000 triệu nguồn thu sử dụng đất
<b>(2)</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>						<b>7,800</b>	<b>7,800</b>	<b>1,040</b>	<b>1,040</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1,040</b>	<b>1,040</b>	<b>1,040</b>	<b>1,040</b>	<b>-</b>	
1	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Bế Văn Đàn đến đường Lê Duẩn)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	05/QĐ-UBND 05/01/2021	7,800	7,800	1,040	1,040					1,040	1,040	1,040	1,040	-	Chưa bao gồm 6.745 triệu nguồn thu sử dụng đất
<b>(3)</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>														<b>3,000</b>	<b>3,000</b>	<b>3,000</b>	<b>3,000</b>	<b>-</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Sa Thầy và các hạng mục phụ trợ	VPHU	TT Sa Thầy		2022-	73/QĐ-UBND 20/01/2022	6,200	6,200	3,000	3,000					3,000	3,000	3,000	3,000	-	Chưa bao gồm 3.200 triệu đồng nguồn thu sử dụng đất
<b>1.2</b>	<b>Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)</b>						<b>11,000</b>	<b>11,000</b>	<b>2,632</b>	<b>2,632</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2,330</b>	<b>2,330</b>	<b>2,330</b>	<b>2,330</b>	<b>-</b>	
<b>(1)</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</b>																		<b>-</b>	
<b>(2)</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>						<b>11,000</b>	<b>11,000</b>	<b>2,632</b>	<b>2,632</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2,330</b>	<b>2,330</b>	<b>2,330</b>	<b>2,330</b>	<b>-</b>	
1	Trường TH - THCS xã Sa Sơn. Hạng mục: Nhà vệ sinh, cổng hàng rào và hạng mục phụ trợ	BQL	Xã Sa Sơn		2022	46/QĐ-UBND 14/01/2022	1,000	1,000	752	752					752	752	752	752	-	Chưa bao gồm 248 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT. Năm 2022 bố trí 54,4 triệu đồng Đối ứng Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thuộc CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025; 697,6 triệu đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
2	Trường THCS Phan Đình Phùng (Hạng mục nhà học 08 phòng và hạng mục phụ trợ)	BQL	Xã Hơ Moong		2022-	231/QĐ-UBND 04/03/2022	10,000	10,000	1,880	1,880					1,578	1,578	1,578	1,578	-	Chưa bao gồm 4.000 triệu nguồn CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025; 620 triệu nguồn phân cấp đầu tư nguồn XSKT và 3.500 triệu nguồn cân đối NSDP. Năm 2022 bố trí 1.578 triệu đồng đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
<b>1.3</b>	<b>Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách</b>										<b>-</b>	<b>-</b>			<b>2,500</b>	<b>2,500</b>	<b>2,500</b>	<b>2,500</b>	<b>-</b>	
1	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Bế Văn Đàn đến ngõ 350)	BQL	TT Sa Thầy		2022-	116/QĐ-UBND 27/01/2022	16,000	16,000	10,000	10,000					2,500	2,500	2,500	2,500	-	Chưa bao gồm 6.000 triệu nguồn cân đối ngân sách địa phương

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2021		Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 1 tại NQ số 20/NQ-HĐND ngày 12/5/2022		Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 2		Tăng, giảm so với NQ số 20/NQ-HĐND ngày 12/5/2022	Ghi chú	
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trđó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
										Tổng số	Trong đó:										
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước							Thanh toán nợ XDCB			
II.	<b>NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG CÂN ĐỐI</b>						<b>664,760</b>	<b>387,960</b>	<b>293,842</b>	<b>293,842</b>	-	-	<b>28,600</b>	<b>28,600</b>	<b>90,759</b>	<b>90,759</b>	<b>13,200</b>	<b>13,200</b>	-	<b>77,559</b>	
(1)	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>						<b>77,000</b>	<b>77,000</b>	<b>7,000</b>	<b>7,000</b>					<b>200</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	-		
1	Kè chống sạt lở suối Đak Sia đoạn qua xã Sa Nhơn, Sa Nghĩa và thị trấn Sa Thủy, huyện Sa Thủy (Giai đoạn 1)	BQL	Huyện Sa Thủy		2022		77,000	77,000	7,000	7,000					200	200	200	200	-		Chưa bao gồm 70.000 triệu đồng nguồn hỗ trợ ngân sách tỉnh
(2)	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</b>						<b>16,200</b>	<b>16,200</b>	<b>11,500</b>	<b>11,500</b>	-	-	<b>10,000</b>	<b>10,000</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	<b>920</b>	<b>920</b>	-	<b>80</b>	
1	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Cù Chính Lan đến Hạt Kiểm Lâm)	BQL	TT Sa Thủy		2021-	02/QĐ-UBND 04/01/2021	12,700	12,700	11,000	11,000			10,000	10,000	1,000	1,000	920	920	-	80	Chưa bao gồm 1.690 triệu nguồn cân đối ngân sách địa phương
2	Trường Tiểu học -THCS Lê Quý Đôn (Nhà ăn, bếp và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thủy		2021-	2628/QĐ-UBND 29/12/2020	3,500	3,500	500	500									-	-	Bổ trí nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2021, giảm nguồn thu tiền sử dụng đất
(3)	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>						<b>500,800</b>	<b>224,000</b>	<b>207,582</b>	<b>207,582</b>	-	-	<b>13,100</b>	<b>13,100</b>	<b>58,000</b>	<b>58,000</b>	<b>3,568</b>	<b>3,568</b>	-	<b>54,433</b>	
1	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Bế Văn Đàn đến đường Lê Duẩn)	BQL	TT Sa Thủy		2021-	05/QĐ-UBND 05/01/2021	7,800	7,800	6,745	6,745			3,100	3,100	3,000	3,000	2,000	2,000	-	1,000	Chưa bao gồm 1.040 triệu nguồn cân đối ngân sách địa phương
2	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giải dân tị làng Xốp, xã Mô Rai, huyện Sa Thủy	BQL	Xã Mô Rai		2020-	700/QĐ-UBND 26/7/2020 của UB tỉnh 39/NQ-HĐND 22/10/2021 của HD tỉnh	123,000	88,000	85,633	85,633					25,000	25,000	1,568	1,567.5	-	23,433	Chưa bao gồm 35.000 triệu NS tỉnh hỗ trợ; 1.916,839 triệu đồng từ nguồn đầu tư năm 2020 chuyển sang năm 2021; 450,5 triệu đồng nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2021; Năm 2022 bổ trí 1.567,5 triệu đồng để bổ trí đối ứng Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
3	Đầu tư kết cấu hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường Điện Biên Phủ và đường Trần Quốc Toản, thị trấn Sa Thủy	BQL	TT Sa Thủy		2021-	136/QĐ-UBND 27/01/2021	52,000	52,000	52,000	52,000			10,000	10,000	10,000	10,000	-	-	-	10,000	
4	Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thủy đến nhà máy thủy điện Ialy	BQL	H. Sa Thủy		2021-	674/QĐ-UBND 29/7/2021 tỉnh	318,000	76,200	63,204	63,204					20,000	20,000	-	-	-	20,000	Chưa bao gồm 241.800 triệu đồng nguồn hỗ trợ ngân sách Trung ương; 12.996 triệu nguồn cân đối NSDP
(4)	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>						<b>20,400</b>	<b>20,400</b>	<b>17,400</b>	<b>17,400</b>					<b>17,400</b>	<b>17,400</b>	<b>5,843</b>	<b>5,843</b>	-	<b>11,558</b>	
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng Điểm dân cư khu vực Hạt Kiểm lâm (cũ) và lân cận):	BQL	TT Sa Thủy		2022-	1965/QĐ-UBND 13/12/2021	8,500	8,500	8,500	8,500					8,500	8,500	2,651	2,651	-	5,850	
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Sa Thủy và các hạng mục phụ trợ	VPHU	TT Sa Thủy		2022-	73/QĐ-UBND 20/01/2022	6,200	6,200	3,200	3,200					3,200	3,200	3,192	3,192	-	8	Chưa bao gồm 3.000 triệu đồng nguồn cân đối ngân sách địa phương
3	(*)						5,700	5,700	5,700	5,700					5,700	5,700	-	-	-	5,700	
(5)	<b>Nguồn thu sử dụng đất trong cân đối được để lại cho cấp xã (để duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng; hỗ trợ làm đường hẻm, đường giao thông nông thôn...)</b>						<b>34,360</b>	<b>34,360</b>	<b>34,360</b>	<b>34,360</b>	-		<b>3,500</b>	<b>3,500</b>	<b>8,640</b>	<b>8,640</b>	<b>1,500</b>	<b>1,500</b>	-	<b>7,140</b>	
1	Thị trấn	Thị trấn	Thị trấn				23,400	23,400	23,400	23,400			3,330	3,330	3,500	3,500	1,350	1,350	-	2,150	
2	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa				50	50	50	50			20	20	10	10	10	10	-	-	
3	Xã Sa Bình	Xã Sa Bình	Xã Sa Bình				100	100	100	100			20	20	20	20	20	20	-	-	
4	Xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn				50	50	50	50			20	20	10	10	10	10	-	-	
5	Xã Sa Nhơn	Xã Sa Nhơn	Xã Sa Nhơn				50	50	50	50			20	20	10	10	10	10	-	-	
6	Xã Ya Ly	Xã Ya Ly	Xã Ya Ly				85	85	85	85			10	10	65	65	65	65	-	-	Năm 2022 bổ trí 1.350 triệu đồng để đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
7	Xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr				50	50	50	50			20	20	10	10	10	10	-	-	
8	Xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi				25	25	25	25			20	20	5	5	5	5	-	-	
9	Xã Mô Rai	Xã Mô Rai	Xã Mô Rai				10,500	10,500	10,500	10,500			20	20	5,000	5,000	10	10	-	4,990	
10	Xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong				50	50	50	50			20	20	10	10	10	10	-	-	

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2021		Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 1 tại NQ số 20/NQ-HĐND ngày 12/5/2022		Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 2		Tăng, giảm so với NQ số 20/NQ-HĐND ngày 12/5/2022	Ghi chú	
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trđó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
										Tổng số	Trong đó:									
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước									Thanh toán nợ XDCB
(6)	Chi công tác đo đạc, quản lý đất đai	PTNMT					16,000	16,000	16,000	16,000			2,000	2,000	5,519	5,519	1,170	1,170	-	4,349
III	PHÂN CẤP ĐẦU TƯ NGUỒN THU XSKT (ƯU TIÊN ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH GD-ĐT THỰC HIỆN CT MTQG XD NTM)						-	-	-	-	-	-			770	770	770	770	-	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022														770	770	770	770	-	
1	Trường TH - THCS xã Sa Sơn. Hạng mục: Nhà vệ sinh, công hàng rào và hạng mục phụ trợ	BQL	Xã Sa Sơn		2022-	46/QĐ-UBND 14/01/2022	1,000	1,000	248	248					248	248	248	248	-	Chưa bao gồm 752 triệu đồng nguồn phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM. Năm 2022 bố trí 248 triệu đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
2	Trường THCS Phan Đình Phùng (Hạng mục nhà học 08 phòng và hạng mục phụ trợ)	BQL	Xã Hơ Moong		2022-	231/QĐ-UBND 04/03/2022	10,000	10,000	620	620					522	522	522	522	-	Chưa bao gồm 4.000 triệu nguồn CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025; 1.880 triệu nguồn phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM và 3.500 triệu nguồn cân đối NSDP. Năm 2022 bố trí 522 triệu đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
(2)	Các dự án hoàn thành sau năm 2022																			

**Biểu số 03****TỔNG HỢP VỐN PHÂN CẤP CỦA TỈNH CHO HUYỆN NĂM 2022***(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

Tổng số	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg				Thu tiền sử dụng đất			Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)	Ghi chú
	Tổng	Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND	Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách	Tổng số	Trong đó			
						Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai		
25,819	12,662	7,832	2,330	2,500	12,387	10,560	1,827	770	

Biểu mẫu số 04

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN THU ĐỀ LẠI ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Tờ trình số /TT-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chu đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 1 tại NQ số 20/NQ-HĐND ngày 12/5/2022				Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 2				Tăng, giảm so với QĐ số 800/QĐ-UBND ngày 23/5/2022	Ghi chú			
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:								
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB						Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB						
<b>TỔNG SỐ</b>																									
<b>I Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2021</b>																									
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					147,439	112,439	10,823	10,823	-	-	2,000	2,000	8,823	8,823	-	-	8,823.0	8,823.0	-	-	-	-		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022					13,300.0	13,300.0	3,312.5	3,312.5	-	-	2,000.0	2,000.0	500.0	500.0	-	-	1,312.5	1,312.5	-	-	812.5	-		
1	Trường Tiểu học - THCS Lê Quý Đôn (Nhà ăn, bếp và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy	2021	2628/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	3,500	3,500	2,500	2,500			2,000	2,000	500.0	500.0			500.0	500.0			-	-	Chưa bao gồm 955,4 triệu đồng nguồn cân đối NSDP	
2	Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng (hạng mục nhà học 8 phòng và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy	2021-	2631/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	9,800	9,800	812.5	812.5									812.5	812.5			812.5	-	Chưa bao gồm 4.953 triệu nguồn tăng thu, kết dư năm 2020; 1.800 triệu đồng từ nguồn thu sử dụng đất; 1.887,5 triệu nguồn cân đối NSDP	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022					134,139	99,139	7,511	7,511	-	-	-	-	8,323.0	8,323.0	-	-	7,510.5	7,510.5	-	-	812.5	-		
1	Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã Sa Bình. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	BQL	Xã Sa Bình	2022	396/QĐ-UBND ngày 24/03/2022	500	500	500	500					500	500			500.0	500.0			-	-	Năm 2022 bổ tri 500 triệu đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	
2	Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã Hơ Moong. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	BQL	Xã Hơ Moong	2022	397/QĐ-UBND ngày 24/03/2022	500	500	500	500					500	500			500.0	500.0			-	-	Năm 2022 bổ tri 500 triệu đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	
3	Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã Ya Tăng. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	BQL	Xã Ya Tăng	2022	398/QĐ-UBND ngày 24/03/2022	500	500	500	500					500	500			500.0	500.0			-	-	Năm 2022 bổ tri 500 triệu đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	
4	Nhà Văn hóa xã Yaly và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2022	497/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	1,400	1,400	1,400	1,400					1,400	1,400			1,400.0	1,400.0			-	-	Năm 2022 bổ tri 1.400 triệu đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	
5	Dự án Hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Sa Thầy năm 2022	PNN7PTNT	Huyện Sa Thầy	2022	1161/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	4,681	4,681	2,102	2,102					5,423	5,423			2,102.0	2,102.0			-	-	3,321.0	Chưa bao gồm 2.578,5 triệu đồng nguồn vốn nhân dân đóng góp. Năm 2022 bổ tri 2102 triệu đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
6	Đường giao thông vào khu di tích lịch sử diêm cao 1015, xã Rờ Kơri, huyện Sa Thầy	BQL	Xã Rờ Kơri	2022	1403/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2,000	2,000	500	500									500.0	500.0			500.0	-	Chưa bao gồm 1.500 triệu nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2021. Năm 2022 bổ tri 500 triệu đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	
7	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xốp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy	BQL	Xã Mô Rai	2020-	700/QĐ-UBND ngày 26/7/2020 của UB tỉnh 39/NQ-HĐND 22/10/2021 của HD tỉnh	123,000	88,000	450.5	450.5									450.5	450.5			450.5	-	Chưa bao gồm 35.000 triệu NS tỉnh hỗ trợ; 1.916,839 triệu đồng từ nguồn đầu tư năm 2020 chuyển sang năm 2021; 85.633 triệu đồng nguồn thu tiền sử dụng đất; Năm 2022 bổ tri 450,5 triệu đồng để bổ tri đối ứng Dự án 2; Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	
8	Phân cấp cho cấp xã (Thực hiện các dự án xây dựng nông thôn mới)	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình			1,558	1,558	1,558	1,558									1,558.0	1,558.0			1,558.0	-	Chưa bao gồm 1.500 triệu nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2021. Năm 2022 bổ tri 1.558 triệu đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	

TT	Dan h mục dự án	Chú đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2021		Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 1 tại NQ số 20/NQ-HĐND ngày 12/5/2022				Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 2				Tăng, giảm so với QĐ số 800/QĐ-UBND ngày 23/5/2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó:							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB		
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
<b>II</b>	<b>Nguồn kết dư năm 2021</b>					<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>1,950</b>	<b>1,950</b>			-	-	<b>990.0</b>	<b>990.0</b>	-	-	<b>990.0</b>	<b>990.0</b>	-	-	-		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022																						-	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022					<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>1,950</b>	<b>1,950</b>			-	-	<b>990.0</b>	<b>990.0</b>	-	-	<b>990.0</b>	<b>990.0</b>	-	-	-		
1	Trường tiểu học Lê Văn Tám. Hàng mục: Nhà hiệu bộ và hàng mục phụ trợ	BQL	Xã Sa Bình	2021-	926/QĐ-UBND ngày 07/6/2021	2,000	2,000	1,950	1,950					990.0	990.0			990.0	990.0				-	Chưa bao gồm 960 triệu đồng nguồn tiết kiệm chi năm 2020; Năm 2022 bố trí 990 triệu đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022																						-	

**Biểu mẫu số 05**  
**NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ NĂM 2022**  
 (Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 theo NQ số 20/NQ-HĐND ngày 12/5/2022					Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - Lần 2			Tăng, giảm so với Kế hoạch 2021 theo NQ số 80/NQ-HĐND ngày 07/10/2021	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XD/CB
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	-	-	-	-	<b>1,500</b>	<b>1,500</b>	-	-	<b>1,500</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ</b>					<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	-	-			<b>1,500</b>	<b>1,500</b>			<b>1,500</b>	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022																
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022																
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022					<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	-	-	-	-	<b>1,500</b>	<b>1,500</b>			<b>1,500</b>	
1	Đường giao thông vào khu di tích lịch sử diêm cao 1015, xã Rờ Koi, huyện Sa Thầy	BQL	Xã Rờ Koi	2022	1403/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2,000	2,000	-				1,500	1,500			1,500	Chưa bao gồm 500 triệu đồng nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2021; Năm 2022 bố trí 1.303 triệu đồng ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; 197 triệu đồng bố trí đối ứng CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025